

Số: 186/2025/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung về kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI
và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Xét Tờ trình số 662/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung về kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Ủy ban bầu cử tỉnh tại Văn bản số 09/UBBC ngày 29 tháng 11 năm 2025); Báo cáo thẩm tra số 721/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung về kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung về kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã;
- b) Ủy ban bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp xã;
- c) Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã;
- d) Các Tiểu ban, Tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử các cấp;
- đ) Tổ bầu cử;
- e) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho công tác bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong cùng một nội dung chi thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất. Danh sách đối tượng chi trả được thực hiện theo các nghị quyết, quyết định, văn bản thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các khoản chi phát sinh theo thực tế nhưng chưa được quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

1. Chi xây dựng văn bản

- a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử; thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của

Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản 1 Điều này liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn tỉnh, toàn xã, phường do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử các cấp ban hành (kế hoạch, thông tri, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết công cuộc bầu cử trong toàn tỉnh, các văn bản hướng dẫn cho một xã/phường nhưng được gửi đến tất cả các xã, phường để cùng áp dụng):

- Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý):

- + Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/văn bản;

- + Cấp xã: 1.000.000 đồng/văn bản.

- Xin ý kiến bằng văn bản của các cá nhân, chuyên gia:

- + Cấp tỉnh: mức chi 300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 900.000 đồng/người/văn bản;

- + Cấp xã: mức chi 200.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 600.000 đồng/người/văn bản.

2. Chi tổ chức hội nghị: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Nghị quyết số 156/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

a) Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, các Ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử

- Chủ trì cuộc họp:

- + Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/buổi;

- + Cấp xã: 200.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự:

+ Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

- Các đối tượng phục vụ:

+ Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử

- Chủ trì cuộc họp:

+ Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự:

+ Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

- Các đối tượng phục vụ:

+ Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

5. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, các Ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành)

a) Trưởng đoàn giám sát

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phục vụ đoàn giám sát

- Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát:

+ Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

- Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát

+ Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát

- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát:

+ Cấp tỉnh: 3.500.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp xã: 2.500.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp xã: 3.000.000 đồng/báo cáo.

- Xin ý kiến bằng văn bản của các cá nhân, chuyên gia:

+ Cấp tỉnh: mức chi 300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 600.000 đồng/người/văn bản;

+ Cấp xã: mức chi 200.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 400.000 đồng/người/văn bản.

- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo:

+ Cấp tỉnh: 700.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

6. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử (không bao gồm cán bộ, công chức chuyên trách tiếp công dân đã được hưởng phụ cấp theo Nghị quyết số 199/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

a) Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân

- Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 40.000 đồng/người/buổi.

7. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

- Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó trưởng Ban Chỉ đạo bầu cử ở các cấp; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử ở các cấp; Trưởng các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử ở các cấp:

+ Cấp tỉnh: 2.500.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử ở các cấp; ủy viên Ủy ban bầu cử, Phó trưởng các Tiểu ban, Tổ trưởng Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử ở các cấp, Trưởng Ban bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: 1.200.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên các Tiểu ban, Tổ phó và thành viên Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử ở các cấp, ủy viên Ban bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Tổ trưởng Tổ bầu cử (cấp xã): 600.000 đồng/người/tháng.

- Thư ký Tổ bầu cử (cấp xã): 500.000 đồng/người/tháng.

- Ủy viên Tổ bầu cử (cấp xã): 400.000 đồng/người/tháng.

b) Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử):

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;

- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa:

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/người/tháng;

- Cấp xã: 1.500.000 đồng/người/tháng.

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt: 300.000 đồng/người/ngày (áp dụng chung cho cấp tỉnh và cấp xã).

8. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

a) Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó trưởng Ban Chỉ đạo bầu cử ở các cấp; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử ở các cấp; Trưởng các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử ở các cấp, Trưởng Ban bầu cử, Tổ trưởng Tổ bầu cử:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng;

- Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng.

b) Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử ở các cấp; ủy viên Ủy ban bầu cử, Phó trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban, Tổ trưởng, thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử ở các cấp, ủy viên Ban bầu cử, ủy viên Tổ bầu cử:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/tháng;

- Cấp xã: 150.000 đồng/người/tháng.

9. Chi phí hành chính cho công tác bầu cử

a) Chi đóng hòm phiếu (trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung), mức chi tối đa: 500.000 đồng/hòm phiếu.

b) Chi khắc dấu (trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung), mức chi tối đa (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí): 400.000 đồng/dấu.

c) Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử (trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, cần phải bổ sung), mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/bảng.

10. Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ bầu cử: thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hằng năm giao cho các cơ quan, đơn vị.

11. Các nội dung chi khác phục vụ cho công tác bầu cử như chi phương tiện đi lại; chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu; chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu (nếu có), chi trang trí, loa đài,... tại các tổ bầu cử; chi văn phòng phẩm; chi thông tin liên lạc (cước gửi công văn, cước phí internet, cước điện thoại cố định...); chi khác: thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

12. Các nội dung chi không quy định cụ thể tại Điều này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Thời gian được hưởng hỗ trợ

1. Thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng theo mức khoán/tháng phục vụ trong đợt bầu cử được tính từ khi có quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền đến khi kết thúc bầu cử nhưng tối đa không quá:

a) 04 tháng đối với Ban Chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, các Tiểu ban, Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử các cấp;

b) 03 tháng đối với Ban bầu cử;

c) 02 tháng đối với Tổ bầu cử.

2. Thời gian hưởng chế độ hỗ trợ cước điện thoại di động phục vụ trong đợt bầu cử được tính từ khi có quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền đến khi kết thúc bầu cử nhưng tối đa không quá:

- a) 04 tháng đối với Ban Chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, các Tiểu ban, Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử các cấp;
- b) 03 tháng đối với Ban bầu cử;
- c) 02 tháng đối với Tổ bầu cử.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 do ngân sách nhà nước các cấp bảo đảm, cụ thể:

a) Đối với các địa phương: ngoài số kinh phí cấp trên hỗ trợ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ sung thêm nguồn kinh phí từ ngân sách cấp mình để phục vụ công tác bầu cử tại địa phương theo nội dung và mức chi quy định tại Nghị quyết này.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: ngoài số kinh phí được phân bổ, trường hợp cần thiết, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp, bố trí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên từ dự toán của đơn vị mình để hỗ trợ cho công tác bầu cử.

2. Việc lập, chấp hành dự toán và hạch toán, quyết toán kinh phí: thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đến bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2025.

2. Nghị quyết số 268/2021/NQ-HĐND ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung về kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đến công tác bầu cử đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử các cấp;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr: Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm CB-TH; Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ₂, TH₂.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh